TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LINH** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/KDTM - ST
Ngày 25/3/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Minh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Việt Hà.
Ông Nguyễn Ngọc Quang.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trương Văn Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Linh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh tham gia phiên tòa:*** Không.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại: Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2024/TLST - KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST- KDTM ngày 23 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST- KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST- KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Khoáng sản Q; địa chỉ: Số 41 đường N, thị trấn H, huyện V, tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Vĩnh T, sinh năm: 1958 - Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Q;trú tại: Số 20 T, phường V, thành phố H, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm: 1976 - Kế toán Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Q; trú tại: Số 43 N, thị trấn H, huyện V, tỉnh Q (Giấy ủy quyền ngày 17/02/2023), có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH D; địa chỉ: Xã G, huyện N, tỉnh N;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tống Văn C, sinh năm: 1967 - Chức vụ: Tổng Giám đốc TNHH D; địa chỉ nơi thường trú: Thôn P, xã N, huyện H, tỉnh N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần Khoáng sản Q, người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Vĩnh T - Giám đốc, đã cùng với ông Bùi Tiến D và ông Phạm Duy H - Đều là Phó Tổng Giám đốc, được ông Tống Văn C - Tổng Giám đốc Công ty TNHH D ủy quyền trực tiếp kí kết hợp đồng kinh tế với Công ty Cổ phần Khoáng sản Q, về việc mua bán cát thạch anh chưa qua tuyển rửa để làm nguyên liệu sản xuất kinh doanh, cụ thể: Ngày 26 tháng 8 năm 2021, ông Bùi Tiến D và Lê Vĩnh T ký Hợp đồng số: 36/HĐMB - DG/QT và ngày 10 tháng 01 năm 2022, ông Phạm Duy H và Ông Lê Vĩnh T ký Hợp đồng Số: 0122/HĐMB - DG/QT;

Nội dung chính của các hợp đồng trên như sau:

- Công ty TNHH D đồng ý mua; Công ty Cổ phần Khoáng sản Q đồng ý bán cát thạch anh (SiO_2 > 97%) để làm nguyên liệu sản xuất, kinh doanh;

- Công ty Cổ phần Khoáng sản Q cam kết cung cấp cho Công ty TNHH D từ 6.000 tấn đến 9.000 tấn/tháng. Đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cát thạch anh sau khai thách titan, hàm lượng SiO_2 > 97%, không lẫn đất và tạp chất hữu cơ, độ ẩm <4%, nếu độ ẩm > 4% sẽ trừ khối lượng hàng hóa theo tỷ lệ độ ẩm vượt qua tương ứng.

- Đơn giá hàng hóa:

+ Giao cát tại kho bãi (Khu Công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh) trên phương tiện chuyên chở bằng ô tô: Đơn giá 200.000 đồng/tấn.

+ Giao cát tại Cảng Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị trên phương tiện vận chuyển bằng tàu thủy: Đơn giá 270.000 đồng/tấn.

- Thời hạn thanh toán:

+ Công ty TNHH D thanh toán trước cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Q trước khi nhận hàng theo khối lượng ước tính của đơn đặt hàng, số tiền còn lại thực tế của lô hàng sẽ được chuyển cho lô hàng tiếp theo;

+ Ngay sau khi hoàn thành việc giao hàng cho Công ty TNHH D, căn cứ Biên bản xác nhận khối lượng và giá trị hàng hóa do đại diện hai bên ký, Công ty Cổ phần Khoáng sản Q xuất ngày hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH D để đảm bảo về mặt pháp lý cho việc vận chuyển và làm cơ sở cho việc thanh toán.

+ Sau khi kết thúc việc cung cấp theo Hợp đồng, các bên sẽ cùng nhau đánh giá lại quá trình thực hiện Hợp đồng này và bàn bạc để ký Hợp đồng cung cấp cát tiếp theo.

- Phương thức giải quyết tranh chấp:

Toàn bộ Hợp đồng này và những vấn đề cần phải giải quyết tranh chấp liên quan hợp đồng này và được áp dụng giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành. Mọi tranh chấp phát sinh các bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết, trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày ra thông báo, các bên cùng bàn bạc, thương lượng, tìm cách giải quyết tranh chấp. Nếu không đạt được thõa thuận, hai bên chọn Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị làm nơi giải quyết tranh chấp Hợp đồng kinh tế.

Quá trình thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký:

- Từ ngày 31/8/2021 đến ngày 19/01/2022, Công ty cổ phần Khoáng sản Q đã bán cho Công ty TNHH D 11 đơn hàng, với số lượng 19.378,286 tấn cát thạch anh chưa qua tuyển rửa, với tổng số tiền: 5.174.796.400 đồng;

- Từ ngày 27/8/2021 đến ngày 18/01/2022, Công ty TNHH D đã 05 lần chuyển tiền qua tài khoản của Công ty Cổ phần Khoáng sản Q mở tại Ngân hàng CPTM Quân

đội Chi nhánh tại Quảng Trị số tiền: 2.100.000.000 đồng, trong tổng số tiền 5.174.796.400 đồng mà Công ty Cổ phần Khoáng sản Q đã bán cho Công ty TNHH D.

- Ngày 09 tháng 5 năm 2022, đại diện cho hai bên là Công ty TNHH D và Công ty CP Khoáng sản Q, tiến hành lập biên bản đối chiếu và thống nhất công nợ từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/4/2022, cụ thể như sau:

+ Số dư đầu kỳ: Công ty TNHH D còn nợ Công ty CP Khoáng sản Q số tiền: 2.453.873.600 đồng;

+ Hàng hóa Công ty CP Khoáng sản Q đã bán cho Công ty TNHH D trong kỳ số tiền: 2.220.922.800 đồng;

+ Số tiền Công ty TNHH D đã trả cho Công ty CP Khoáng sản Q trong kỳ: 1.600.000.000 đồng;

+ Số tiền Công ty TNHH D còn nợ Công ty CP Khoáng sản Q cuối kỳ: 3.074.796.400 đồng;

Mặc dù, Công ty Cổ phần Khoáng sản Q đã nhiều lần yêu cầu trả số tiền còn nợ nhưng Công ty TNHH D cố tình dây dưa không chịu thực hiện nghĩa vụ phải hoàn trả số tiền: 3.074.796.400 đồng như các bên đã cam kết trong Hợp đồng và bản chiếu công nợ.

Vì vậy, Công ty Cổ phần Khoáng sản Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh giải quyết: Buộc Công ty TNHH D phải trả tiền nợ gốc mua cát thạch anh là: 3.074.796.400 đồng và tiền lãi trên số tiền chậm trả từ tháng 11/2021 đến tháng 01/2023, theo mức lãi suất bình quân Ngân hàng quy định với số tiền là: 265.554.908 đồng, Tổng nợ gốc, lãi là: 3.340.351.308đ *(ba tỷ ba trăm bốn mươi triệu ba trăm năm mươi một nghìn ba trăm lẻ tám đồng)* và tiền lãi trên số tiền chậm trả từ tháng 02/2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án:

Bị đơn Công ty TNHH D và người đại diện theo pháp luật: Ông Tống Văn C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không gửi cho Tòa án lời khai và văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Khoáng sản Q.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần Khoáng sản Q: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Đồng thời rút phần yêu cầu Công ty TNHH D phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả từ tháng 02/2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Bị đơn Công ty TNHH D và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các quyết định Hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai Công ty với nhau và đều vì mục đích lợi nhuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên thỏa thuận giải quyết tranh chấp theo hợp đồng là Tòa án nhân dân tính Quảng Trị, đồng thời nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôn nay, bị đơn Công ty TNHH D và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Xét hình thức, nội dung các hợp đồng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

- Căn cứ trình bày của người đại diện nguyên đơn Công ty Cổ phần Khoáng sản Q trong đơn khởi kiện và cũng như các Hợp đồng mua bán số: 36/HĐMB - DG/QT ngày 26 tháng 8 năm 2021 và số: 0122/HĐMB - DG/QT ngày 10 tháng 01 năm 2022, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có ký kết các hợp đồng nói trên. Xét nội dung, hình thức các hợp đồng đã ký kết giữa các bên là phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật Thương mại. Vì vậy, các hợp đồng nêu trên có hiệu lực thi hành.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Khoáng sản Q, buộc bị đơn Công ty TNHH D trả số tiền gốc còn nợ là: 3.074.796.400 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào các Hợp đồng mua bán số: 36/HĐMB - DG/QT ngày 26 tháng 8 năm 2021 và số: 0122/HĐMB - DG/QT ngày 10 tháng 01 năm 2022, cũng như biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/5/2022 có chữ ký xác nhận của đại diện Công ty Cổ phần Khoáng sản Q và đại diện Công ty TNHH D, thể hiện rõ nội dung: Số tiền mua bán hàng hóa mà Công ty TNHH D còn nợ Công ty Cổ phần Khoáng sản Q là: 3.074.796.400 đồng. Theo chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là: 2.100.000.000 đồng, trong tổng số tiền 5.174.796.400 đồng mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 09/5/2022 thì bị đơn còn nợ số tiền là: 3.074.796.400 đồng. Bị đơn Công ty TNHH D không đến Tòa án và không cung cấp chứng cứ chứng minh về việc trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Hợp đồng mua bán số: 36/HĐMB - DG/QT ngày 26 tháng 8 năm 2021 và số: 0122/HĐMB - DG/QT ngày 10 tháng 01 năm 2022, cũng như biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/5/2022 do nguyên đơn cung cấp để xác định bị đơn còn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc mua hàng là: 3.074.796.400 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận: Buộc Công ty TNHH D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Q số tiền gốc còn nợ là: 3.074.796.400 đồng.

Về yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả theo lãi suất: 9,7%/năm đối với số tiền còn nợ: 3.074.796.400 đồng còn thiếu kể từ tháng 11/2011 đến ngày 30/01/2023, với số tiền là: 265.554.908 đồng. Theo các Hợp đồng mua bán số: 36/HĐMB - DG/QT ngày 26 tháng 8 năm 2021 và số:

0122/HĐMB - DG/QT ngày 10 tháng 01 năm 2022 thì hai bên không có thỏa thuận về việc trả tiền lãi chậm thanh toán, vì vậy căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại thì bị đơn phải chịu lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, do đó yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn đã được biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì. Từ các nhận định trên cho thấy do bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là: 3.074.796.400 đồng nên bị đơn phải trả số tiền là 3.074.796.400 đồng và tiền lãi là: 265.554.908 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là: 3.340.351.308 đồng cho nguyên đơn là có cơ sở, có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với phần lãi suất chậm trả từ tháng 02/2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án nguyên đơn đã rút nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ vào Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Khoáng sản Q được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH D phải có nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Khoáng sản Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 50, Điều 55, Điều 306 và Điều 319 Luật Thương Mại; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Khoáng sản Q:

Buộc Công ty TNHH D phải trả cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Q số tiền còn nợ là: 3.340.351.308đ *(ba tỷ ba trăm bốn mươi triệu ba trăm năm mươi một nghìn ba trăm lẻ tám đồng),* trong đó tiền gốc là: 3.074.796.400đ *(ba tỷ không trăm bảy mươi tư triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm đồng)* và tiền lãi trên số tiền chậm trả là: 265.554.908đ *(hai trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm năm mươi tư nghìn chín trăm lẻ tám đồng);*

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Khoáng sản Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng Công ty TNHH D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty TNHH D phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 98.807.027đ *(chín mươi tám triệu tám trăm lẻ bảy nghìn không trăm hai mươi bảy đồng)*.

- Nguyên đơn Công ty Cổ phần Khoáng sản Q không phải chịu án phí phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 49.403.513đ *(bốn mươi chín triệu bốn trăm lẻ ba nghìn năm trăm mười ba đồng)*, theo biên lai thu số: 0000257 ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- Người ĐD của các bên đương sự;
- VKSND H.Vĩnh Linh;
- CC THADS H.Vĩnh Linh;
- TAND T.Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đức Minh